

Số: **992** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **06** tháng 5 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ủy quyền Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác  
và Phát triển nông thôn ký thừa ủy quyền Bộ trưởng**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 Sửa đổi một số Điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 159/KTHT-VP ngày 23/4/2013 về việc đề nghị ký thừa ủy quyền Bộ trưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ủy quyền Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn được ký thừa ủy quyền (TUQ.) Bộ trưởng một số văn bản của Bộ về lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, như sau:

1. Văn bản triển khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ giao cho Cục.

2. Văn bản đề nghị các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tư liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn.

3. Văn bản xin ý kiến, tham gia ý kiến hoặc trả lời kiến nghị của các cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, quy hoạch bố trí dân cư theo chỉ đạo của Bộ trưởng.

**Điều 2.** Việc ký thừa ủy quyền phải đảm bảo các nguyên tắc:

1. Người ký thừa ủy quyền Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về việc ký thừa ủy quyền.

2. Thực hiện đúng quy định về soạn thảo, trình ký văn bản của Bộ và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tên cơ quan và con dấu ban hành các văn bản quy định tại Điều 1 của Quyết định này là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4. Chấp hành chế độ báo cáo quý, năm hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nội dung các văn bản đã ký. Trường hợp văn bản được ký thừa ủy quyền Bộ trưởng có nội dung quan trọng, nhạy cảm phải xin ý kiến Bộ trưởng hoặc Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực trước khi ký.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

